TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2018.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hải Long

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K' Mích – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hiếu T; sinh năm 1972; cư trú tại: đường P, phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Y; sinh năm 1973; cư trú tại: đường P, phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hiếu T trình bày thì: Ông T và bà Nguyễn Thị Hồng Y kết hôn vào năm 1998, có đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng được gia đình chồng cho một căn phòng ngăn riêng sát nhà gia đình chồng và ở từ đó cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, lối sống và làm ăn kinh tế do bà Y mang tiền chơi huê hụi bị mất nên vợ chồng xảy ra nhiều cải vã. Trước đó, bà Y cũng có nghi ngờ, ghen tuông cho rằng ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên D nên thường gây gỗ với ông nhưng thực tế bà D

là bạn của bà Y nên vợ chồng bà D thường hay đến nhà của vợ chồng ông chơi. Ông và bà D không có quan hệ tình cảm gì với nhau mà mâu thuẫn chính của vợ chồng là do bà Y làm ăn mất hết tiền bạc của gia đình. Năm 2017, thì vợ chồng sống ly thân, không nói chuyện và không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa. Do buồn chuyện gia đình nên ông đi làm và ở lại công trình không về nhà ở nhưng vẫn thường xuyên về chở con đi học. Nay ông xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Minh N, sinh ngày 23/8/1999, đã trưởng thành và cháu Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 26/5/2001. Ông T yêu cầu được nuôi cháu Anh T cho đến khi đủ tuổi thành niên, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cũng như thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án cho bị đơn, tuy nhiên, bà Y không đến Toà và cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T nên Toà án không thu thập được ý kiến cũng như lời khai của bà Y và không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn ông T xác định nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ông là do bà Y chơi huê hụi gây mất mát tiền bạc của gia đình. Còn chuyện bà Y nghi ngờ ông có quan hệ tình cảm với người bạn của bà Y thì thực tế giữa ông và bạn của bà Y không có quan hệ tình cảm gì và cũng đã được gia đình bạn bà Y giải thích trước đây. Tháng 10/2017, ông đã làm đơn khởi kiện ly hôn, sau đó ông rút đơn về để mong muốn vợ chồng hàn gắn nhưng từ đó cho đến nay bà Y vẫn không nói chuyện gì với ông nữa, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên ông vẫn yêu cầu ly hôn. Ông yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Anh T theo nguyện vọng của con và không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà Y nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, làm ăn kinh tế gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T. Về nuôi con chung: cháu Nguyễn Hoàng Anh T có nguyện vọng được ở với ông T và ông T cũng đồng ý nuôi nên đề nghị giao cháu Anh T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi

thành niên. Ông T không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiếu T yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng Y, yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tuy nhiên bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Y vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Y theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hiếu T và bà Nguyễn Thị Hồng Y kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông T trình bày là do bất đồng quan điểm, lối sống và bà Y nghi ngờ ông có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã. Ngoài ra, vợ chồng cũng không thống nhất trong công việc làm ăn kinh tế gia đình nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn với bà Y. Toà án cũng đã nhiều lần thông báo hai bên đến Toà để hoà giải nhưng bà Y không đến và tại phiên toà hôm nay, bà Y vẫn vắng mặt là thể hiện sự bỏ mặc, không mong muốn vợ chồng hàn gắn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà Y đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài nhưng cũng không tìm biện pháp để khắc phục và hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T. Cho ông T và bà Y ly hôn.

[4] Về con chung: Ông T và bà Y có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Minh N, sinh ngày 23/8/1999 đã trưởng thành và cháu Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 26/5/2001. Ông T yêu cầu được nuôi cháu Anh T và cháu Anh T cũng có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, ông T có việc làm, có thu nhập nên xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cháu Anh T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có nên không đề cập.

[7] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Hiếu T và bà Nguyễn Thị Hồng Y ly hôn.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 26/5/2001 cho ông Nguyễn Hiếu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Anh T đủ tuổi thành niên.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hiếu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007870 ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP Đ;
- UBND phường K, TP Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lệ Quyên